

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần bê tông Hòa Cẩm – Intimex
Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần bê tông Hòa Cẩm - Intimex
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000362102
- Vốn điều lệ: 65.185.860.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 65.185.860.000 đồng
- Địa chỉ: Lô B6 - 5, Khu Công nghiệp Thuận Yên, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ giao dịch chính: 53 Trường Sơn, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0236 3670000, 0236 3675155; Số fax: 0236 3672516
- Website: www.betonghoacam.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Bê tông Hoà Cẩm - Intimex, tiền thân là Xí nghiệp bê tông thương phẩm và đá xây dựng thuộc Công ty xây dựng Quảng Nam - TNHH một thành viên, được thành lập từ năm 1998.
- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Ngày 05/12/2001 UBND tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định số: 4700/QĐ-UB phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Xí nghiệp bê tông thương phẩm và đá xây dựng thuộc Công ty Xây dựng Quảng Nam thành Công ty cổ phần. Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 24/12/2001 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4000362102 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh (Chính): Sản xuất bê tông thương phẩm
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và các tỉnh, thành khác

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, Chi nhánh, Nhà máy sản xuất trực thuộc Công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị có 3 thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT và 2 thành viên; Ban Kiểm soát có 3 thành viên, gồm Trưởng ban và 2 thành viên; Ban Tổng

Giám đốc có 3 thành viên, gồm Tổng giám đốc và 2 phó Tổng giám đốc.

- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Đầu tư, góp vốn thành lập Công ty cổ phần Chu Lai.

+ Địa chỉ: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Khai thác, chế biến đá xây dựng, các khoáng chất phi kim loại, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng...

+ Vốn điều lệ thực góp 5,32 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu là 49,09% vốn điều lệ.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, thu lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, tạo công việc làm và thu nhập của người lao động được ổn định, thực hiện tốt chính sách thuế đối với nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành Xây dựng, nguồn vốn đầu tư phục vụ cho quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước, cả nội lực lẫn ngoại lực, nhận thấy rằng, chiến lược và định hướng phát triển của công ty phù hợp với xu thế chung của thị trường là ổn định và phát triển. Một điều đáng lưu ý, để đạt được mục tiêu chiến lược này, công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra hàng năm, không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn gia tăng thị phần tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của Công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường, phấn đấu chiếm 25% thị phần bê tông thương phẩm tại thị trường Đà Nẵng. Các Nhà máy bê tông khu vực tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi ngoài việc cung cấp bê tông cho thị trường Khu kinh tế mở Chu Lai và tỉnh Quảng Nam, đang tăng cường mở rộng thị trường tại Khu công nghiệp Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi.

Thương hiệu “Bê tông Hoà Cầm” trước đây và hiện nay đã được rất nhiều khách hàng cả nước biết đến, nhất là khu vực miền Trung, tạo thuận lợi cho Công ty trong việc mở rộng thị trường, nâng cao uy tín.

Tăng cường đầu tư khai thác mỏ đá: Hàng năm công ty cần tiêu thụ một khối lượng đá xây dựng rất lớn phục vụ cho sản xuất bê tông. Vì vậy, việc đầu tư khai thác mỏ đá sẽ đem lại hiệu quả cho công ty và phục vụ thiết thực cho sản xuất bê tông, ổn định được nguồn nguyên liệu đá đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Điều thuận lợi là Công ty cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex là cổ đông sáng lập và đang nắm giữ trên 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần Chu Lai, chuyên sản xuất đá xây dựng.

Mở rộng địa bàn hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Trước hết tập trung ngành nghề kinh doanh chính hiện nay là sản xuất bê tông thương phẩm. Đã đầu tư xây dựng xong và đưa vào hoạt động Nhà máy bê tông. Tạo thành chuỗi liên kết các nhà máy bê tông thuộc Công ty trải dài từ Đà Nẵng đến tỉnh Quảng Ngãi. Mặt khác, nhiều nhà máy cung ứng bê tông đặt lân cận hỗ trợ qua lại mức cầu của thị trường, tận dụng tối đa hiệu quả thiết bị xe máy, giảm chi phí, tăng cạnh tranh và mang lại hiệu quả công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).



Tốc độ phát triển nền kinh tế đất nước luôn tác động đến tốc độ tăng trưởng chung của ngành xây dựng, đặc biệt là đối với nước ta. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn nhất định, những rủi ro không lường trước có thể xuất hiện đối với ngành xây dựng, trong khi nền kinh tế chung vẫn phát triển. Ảnh hưởng của tình trạng đóng băng trong thị trường nhà đất trong các giai đoạn của thời gian qua là một trường hợp cụ thể.

Một đặc thù cần lưu ý trong ngành xây dựng là, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng mất rất nhiều thời gian đối với nhà thầu, kéo theo sự ảnh hưởng chung về tài chính của các nhà cung cấp nguyên vật liệu như Công ty.

Hiện nay, trên địa bàn kinh doanh của Công ty có nhiều Công ty cùng kinh doanh ngành nghề bê tông hoạt động, tạo ra sự cạnh tranh mới trong ngành tại khu vực. Công ty đã xây dựng được uy tín tốt đối với khách hàng Khu vực trong thời gian qua, cho nên, việc vừa cạnh tranh, vừa bảo vệ được uy tín của mình, cũng sẽ là áp lực đối với mục tiêu tăng doanh số và lợi nhuận của Công ty.

Việc giải quyết công nợ cũng là điều đáng quan tâm đối với ngành xây dựng. Hầu hết các nhà thầu chính thường gặp khó khăn trong quá trình quản lý và thu hồi công nợ, và những khó khăn này luôn mang tính dây chuyền, làm ít nhiều tác động đến quá trình thu hồi công nợ của Công ty. Đây cũng là một khó khăn đặc thù của ngành, dù Công ty đã ngăn ngừa và rất chủ động trong việc quản lý công nợ.

Ngoài những rủi ro kể trên, rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình kinh doanh và phát triển của Công ty, bởi chu kỳ thanh toán cho mỗi công trình thường phụ thuộc vào tốc độ thi công và hoàn tất các hạng mục của nhà thầu, làm mất cơ hội khai thác vốn của Công ty, hoặc kéo theo chi phí vốn ngoài dự toán. Đặc biệt, năm 2020 rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, dịch bệnh Covid-19 kéo dài, v.v... đã gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng mà Công ty tham gia, như làm chậm triển độ, hoặc tạm dừng hoạt động; những rủi ro này đều tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn, các chỉ tiêu kinh doanh đều không đạt theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nguyên nhân do tình hình dịch bệnh Covid -19, thiên tai bão lũ kéo dài làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của công ty. Hầu hết các công trình xây dựng đều tạm dừng hoạt động, mức cầu bê tông giảm, tại thị trường Đà Nẵng lại xuất hiện nhiều nhà cung ứng bê tông tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt làm ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Về cơ bản tất cả các chỉ tiêu kinh doanh đều không đạt kế hoạch và giảm gần nửa so với cùng kỳ năm thực hiện 2019.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu: 185,417 tỷ/330 tỷ đồng, bằng 56,2% kế hoạch;

Lợi nhuận trước thuế: 112,310 nghìn đồng/18 tỷ đồng, bằng 0,62% kế hoạch;

Lợi nhuận sau thuế đạt:

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó

300
ÔN
Ồ I
NG
KT
KỶ

Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên: **Ngô Văn Long**

Ngày tháng năm sinh: 13/11/1972

Địa chỉ thường trú: H29/21 K30 Trần Phú – Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chu Lai

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Cam kết nắm giữ: 49.088 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,753%

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Họ và tên: **Phạm Văn Dữ**

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1976

Địa chỉ thường trú: 194 Dương Đình Nghệ, P. An Hải Bắc, quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng thủy lợi – thủy điện

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cam kết nắm giữ: 29.716 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,45%

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1957

Địa chỉ thường trú: 228 Lê Duẩn, P. Tân Chính, quận Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cam kết nắm giữ: 700 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,01%

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**

Ngày tháng năm sinh: 15/09/1977

Địa chỉ thường trú: 19/29 Quang Trung – Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

382

G.1

H.Ả

H.0.1

M

T.QU

T.QU

Cam kết nắm giữ: 90.209 cổ phần

Tỉ lệ sở cổ phần có quyền biểu quyết: 1,38 %

Tỉ lệ sở hữu của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: (Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động) Tổng số cán bộ, nhân viên bình quân năm 2020 là 206 người

+ Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và Công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thoả đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng quy định của Luật Lao động.

+ Chính sách lương, thưởng: Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong Công ty được hưởng mức lương cơ bản chức danh công việc theo quy định của Nhà nước và lương khoán khối lượng theo đơn giá tiền lương đã được HĐQT phê duyệt. Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, tùy vào tình hình hiệu quả kinh doanh hàng năm tại đại hội đồng cổ đông quyết định khen thưởng cho tập thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty. Năm 2020 thu nhập bình quân của người lao động 6,27 triệu đồng, giảm nhiều so với năm 2019 (9,4 triệu đồng). Nguyên nhân sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Tuy nhiên, luôn đảm bảo mức thu nhập trên mức lương cơ bản, lương tối thiểu vùng theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Năm 2020 hầu như không có đầu tư lớn. Chỉ đầu tư hoàn thiện sân nền Nhà máy bê tông Thăng Bình và đầu tư trạm cân Nhà máy bê tông Dung Quất. Tổng giá trị đầu tư khoảng 254 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Chu Lai

Tình hình tài chính của công ty liên kết năm 2020:

Khối lượng đá học khai thác được 119.129 m³, với doanh thu là 24,288 tỷ đồng, đạt 101,2% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế là 1,53 tỷ đồng, đạt 37,59% kế hoạch năm. Việc đầu tư góp vốn tại Công ty CP Chu Lai là chủ động nguồn đá 1x2 đầu vào và mang lại giá trị thặng dư cho bê tông Hòa Cầm - Intimex.

4. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn (%)	%	108,42	103,6
	- Hệ số thanh toán nhanh:			
	TSLĐ – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn (%)	%	101,44	95,4

2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (Tổng tài sản) - Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	51,91 107,95	45,0 81,9
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho: - Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	56,79 1,91	32,9
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,8 15,02 7,22 4,56	0,05 0,13 0,07 0,26

b. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2019	2020	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	176.304.683.678	130.761.977.608	74,2
Doanh thu thuần	337.248.834.661	185.417.473.791	55,0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.360.241.212	489.852.729	3,2
Lợi nhuận khác	(221.159.921)	(377.541.858)	
Lợi nhuận trước thuế	15.139.081.291	112.310.871	0,7
Lợi nhuận sau thuế	12.730.029.527	94.422.461	0,7
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.861	14	0,8

Lưu ý: Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2019 được điều chỉnh giảm căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020. Theo đó, Đại hội thông qua số liệu trích lập chính thức của Quỹ khen thưởng phúc lợi là 598.760.570 đồng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đang lưu hành là: 6.518.586 cổ phần, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do 2.212.480 cổ phần và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là: 4.463.074 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác).

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán, do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày đăng ký cuối cùng 20/10/2020, cơ cấu cổ đông thể hiện như sau:

- Số lượng cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên): 02 cổ đông, số lượng cổ phần nắm giữ 3.869.603 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 59,36%.

- Số lượng cổ đông có cổ phần sở hữu dưới 100 cổ phần: 137 cổ đông.
- Số lượng cổ đông là tổ chức trong nước: 10 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 3.357.273 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 51,50%.
- Số lượng cổ đông là cá nhân trong nước: 651 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.528.254 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 38,78%.
- Số lượng cổ đông là tổ chức nước ngoài: 07 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 57.947 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,88%.
- Số lượng cổ đông là cá nhân nước ngoài: 27 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 575.112 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 8,82%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 39 cổ phiếu, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất bê tông thương phẩm của công ty trong năm: Tổng khối lượng bê tông sản xuất cung cấp cho khách hàng 180.485m³, số lượng vật liệu để sản xuất bê tông trong năm như sau: cát 105.500 m³; đá 135.700 m³; xi măng 51.800 tấn; phụ gia khoáng hoạt tính 20.000 tấn; phụ gia 500.000 lít; nước 36.000 m³.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do bê tông là sản phẩm đặc thù nên nguyên vật liệu tái chế rất hạn chế, chủ yếu là đá qua bể lắng lọc chỉ chiếm 0,001 đến 0,0015% tổng số lượng sử dụng. Lượng bê tông thừa chủ yếu sử dụng làm sân nền của công ty, lượng nước được thu lại qua các bể lắng lọc sử dụng cho rửa bồn xe.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 312.800 kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Tại trạm trộn bê tông Hòa Cầm nguồn nước thủy cục cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt từ nhà máy nước Cầu đỏ Đà Nẵng, lượng nước tiêu thụ khoản 21.642 m³; Tại trạm trộn bê tông Chu Lai và Bình Dương, Tam Kỳ sử dụng nguồn nước giếng ngầm, lượng nước tiêu thụ khoản 17.000 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Lượng nước sản xuất là nước tham gia quá trình trộn bê tông, lượng nước này tự bốc hơi khi đông kết bê tông tại công trình, cho nên nước thải ra môi trường hầu như không đáng kể. Lượng nước thải ra môi trường chủ yếu là nước rửa xe chuyên dụng, lượng nước này tuy rất ít nhưng được thu gom xử lý bằng các bể lắng lọc, đưa vào bể chứa để tái sử dụng và trước khi thải ra môi trường.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Chưa để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tổng số lao động bình quân 206 người, mức thu nhập trung bình 6.2700.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất. Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV theo đúng quy định.

- Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động. Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Các ngày lễ trong năm ngoài chế độ nghỉ theo quy định, Công ty đều có quà biếu cho tất cả CBCNV, hay từng đối tượng phù hợp. Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với quá trình hoạt động của Công ty, chính sách nguồn nhân lực đảm bảo có các biện pháp để xác định, cung cấp các nguồn lực và thực hiện chương trình đào tạo cần thiết để CBCNV, những người thực hiện các công việc ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp, có đầy đủ năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm thích hợp để hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Hỗ trợ kinh phí 65 triệu đồng hỗ trợ các hộ nghèo phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TPĐN và các công tác từ thiện khác.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	Đồng	330.000.000.000	185.417.473.791	56,2%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18.000.000.000	112.310.870	0,6%

Lợi nhuận sau thuế	Đồng			
--------------------	------	--	--	--

* Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 không được thuận lợi gặp nhiều khó khăn, các chỉ tiêu về sản lượng đạt 58,1%, doanh thu 56,2% so với kế hoạch năm đề ra. Nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới nói chung và trong nước nói riêng, những tháng cuối năm, thời tiết mưa bão lũ Miền Trung kéo dài, làm hạn chế đến thời gian hoạt động của công ty từ đầu năm đến nay, nên thị trường tiêu thụ bê tông giảm sút đáng kể, sản lượng và doanh thu sụt giảm một nửa so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, công ty phải gánh chịu khoản chi phí cố định lớn như khấu hao, lương... để duy trì hoạt động và khoản trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn. Ngoài ra, do tình hình dịch bệnh khách hàng thanh toán không đúng hạn dẫn đến hiệu quả kinh doanh năm 2020 không đạt được như mong muốn.

- Bên cạnh đó, các khoản thu nhập tài chính đầu tư liên doanh, liên kết tại Công ty Cổ phần Chu Lai cũng giảm, năm 2019 là 2.073.229.200 đồng, trong khi đó năm 2020 chỉ được 493.626.000 đồng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020	% tăng giảm
I. Tài sản ngắn hạn	91.686.473.646	57.980.351.616	63,2
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	574.114.387	718.029.725	125,1
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	85.077.363.125	52.410.935.966	61,6
3. Hàng tồn kho	5.897.566.795	4.609.525.118	78,2
4. Tài sản ngắn hạn khác	137.429.339	241.860.807	176
II. Tài sản dài hạn	84.618.210.032	72.781.625.992	86
1. Tài sản cố định	71.581.995.835	60.409.310.042	84,4
2. Tài sản dở dang dài hạn	350.000.000	-	
3. Đầu tư tài chính dài hạn	5.319.660.000	5.319.660.000	
3. Tài sản dài hạn khác	7.366.554.197	7.052.655.950	95,7
Tổng cộng tài sản	176.304.683.678	130.761.977.608	74,2

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2020 giảm chỉ bằng 63,2% so với số dư cuối năm 2019 (giảm khoảng 33,7 tỷ), chủ yếu là do giảm chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn”, giảm 61,6% so với cuối năm 2019 (giảm tương ứng khoảng 32,7 tỷ). Nguyên nhân: Trong chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” có khoản “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” năm 2020 giảm 68,9% (giảm tương ứng khoảng 32,1 tỷ) so với năm trước. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, mưa lũ kéo dài trong năm làm giảm doanh thu bán hàng; bên cạnh đó, để hạn chế rủi ro nợ xấu nên công ty cũng đưa ra một số chính sách bán hàng chặt chẽ hơn, chính vì vậy dẫn đến khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng bị giảm theo.

Vòng quay bình quân các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2020 là 3,1 vòng tương đương như năm trước. Chính vì vậy, năm 2020 và những năm sắp đến, Công ty quyết tâm đưa ra kế hoạch lựa chọn khách hàng tài chính đảm bảo, hạn chế công nợ phát sinh với thời hạn thanh toán kéo dài, thúc đẩy hơn công tác thu hồi công nợ.

Tài sản dài hạn cuối năm 2020 của Công ty giảm bằng 86% so với năm trước. Tổng tài sản cuối năm 2020 của Công ty giảm 74,2% (giảm hơn hơn 45,5 tỷ đồng) so với cuối năm 2019 là chủ yếu là do những nguyên nhân trên.

Tài sản cố định hữu hình tại Công ty được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Tài sản được khấu hao trong thời gian 5 năm theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng các khoản phải trả của Công ty

Nợ phải trả	01/01/2020	31/12/2020	% tăng giảm
I. Nợ ngắn hạn	84.569.467.156	55.948.338.495	66,2
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	50.032.283.502	32,412,475,753	64,8
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	251.311.309	526,160,000	209,4
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	565.334.725	760,777,005	134,6
4. Phải trả người lao động	4.772.494.842	1,062,758,375	22,3
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	44.410.046	18,441,526	
6. Phải trả ngắn hạn khác	675.139.727	660,571,522	97,8
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	28.413.018.715	20,280,619,354	71,4
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(184.525.610)	226,534,960	
II. Nợ dài hạn	6.954.750.000	2.922.750.000	42
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.954.750.000	2.922.750.000	42
Tổng cộng	91.524.217.156	58.871.088.495	64,3

Nợ ngắn hạn tính đến cuối năm 2020 giảm chỉ bằng 66,2% so với số dư cuối năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là khoản “Phải trả cho người bán ngắn hạn” giảm nhiều (giảm

hơn 17,6 tỷ). Nguyên nhân là trong năm 2020, việc mua nguyên vật liệu đầu vào giảm vì sản lượng đầu ra giảm. Bên cạnh đó, hiệu quả năm 2020 không cao dẫn đến khoản “Phải trả người lao động” giảm còn 22,3% so với năm 2019 vì lương được tính dựa theo đơn giá doanh thu và lợi nhuận trước thuế. Ngoài ra, công tác thu hồi công nợ tại Công ty có tích cực hơn dẫn đến khoản “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” tại các Ngân hàng giảm. Năm 2020, công ty sẽ cố gắng hơn nữa và có biện pháp kiên quyết trong việc đôn đốc, thu hồi công nợ nhằm giảm tỉ lệ nợ xấu và rủi ro về công nợ.

Nợ dài hạn cuối năm 2020 giảm còn 42% (giảm hơn 4 tỷ) so với năm 2019, là do năm qua Công ty đã không vay thêm khoản “Vay trung và dài hạn”.

Tổng nợ phải trả cuối năm 2020 của Công ty giảm 64,3% (giảm hơn 32,6 tỷ đồng) so với số dư cuối năm 2019 là chủ yếu do những nguyên nhân trên.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tăng cường công tác tiếp thị, đẩy mạnh mọi biện pháp kinh doanh cố gắng tham gia tìm kiếm khách hàng, tăng sản lượng bán bê tông của Công ty. chú ý đến khách hàng nhà tư nhân và khách hàng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Do tình hình thị trường tại khu vực Chu Lai giảm và nhà máy đang nằm trong vùng ô nhiễm yêu cầu di dời, trong giai đoạn này công ty tiến hành thu hẹp qui mô sản xuất, xác nhập Nhà máy Chu Lai vào nhà máy Dung Quất. Cơ cấu nhân sự lao động sẽ sắp xếp lại theo hướng tinh giảm hợp lý. Tiến hành đại tu Trạm BT 60m³/h của trạm Chu Lai lại thành trạm dự phòng cho Nhà máy Dung Quất và làm trạm di động khi công ty nhận được dự án lớn mới ở xa ngoài phạm vi các nhà máy của công ty.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (không có ý kiến)

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn thực hiện tốt các chỉ tiêu về công tác bảo vệ môi trường, thực hiện lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm gửi báo cáo các cơ quan quản lý về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động Công ty đa số là lao động phổ thông, lái xe, kỹ thuật bê tông tại công trường, là lực lượng trực tiếp lao động sản xuất, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng bê tông thương phẩm. Lực lượng lao động gián tiếp có số lượng rất ít, chủ yếu là cán bộ quản lý, kế toán. Trong từng lĩnh vực công tác được phân công, người lao động luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức từ thiện, phụ nữ, trường học, hỗ trợ kinh phí 30 triệu đồng xây dựng sửa chữa nhà cho hộ nghèo... địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở để đóng góp cho chương trình xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ 25 xuất quà nhân dịp Tết nguyên đán 2021 cho phường mỗi xuất 1 triệu đồng...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: HĐQT tổ chức các cuộc họp thường kỳ đều có sự tham dự của Ban kiểm soát Công ty, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc báo cáo cho HĐQT xem xét và quyết định. Các thành viên HĐQT đều được thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

82
GT
HẢI
ÒA
ME
QUẬN

HĐQT và Ban tổng giám đốc thực hiện tốt trong quản lý, điều hành Công ty, triển khai các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, đảm bảo phát triển vốn và quyền lợi của cổ đông.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: Ban Tổng giám đốc đã hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định, đồng thời có sự phối hợp, quan hệ tốt để hoàn thành chỉ tiêu đại hội đồng cổ đông giao. Đã chủ động tích cực, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quản lý, có các giải pháp để tổ chức thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc luôn có định hướng cho các khoản đầu tư để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, các chỉ tiêu tài chính đều không đạt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra không tăng trưởng so với năm 2019.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021: Tổng doanh thu: 290 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế: 12,5 tỷ đồng. Đầu tư mua thêm một số phương tiện vận chuyển bê tông; thiết bị bơm bê tông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: có 3 thành viên

Ông : Đỗ Hà Nam - Chủ tịch HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành

Ông : Ngô Xuân Nam - Thành viên HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành

Ông : Ngô Văn Long - Thành viên HĐQT trực tiếp điều hành

- Họ và tên : Đỗ Hà Nam
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần bê tông Hoà Cầm - Intimex.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT, TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex; Chủ tịch Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam; Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê, Ca cao VN; Chủ tịch các câu lạc bộ các nhà XK Cà phê Việt Nam.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Thành viên Công ty nắm giữ 51,477% vốn điều lệ của tổ chức phát hành.
- Họ và tên : Ngô Xuân Nam
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần bê tông Hoà Cầm - Intimex.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty

02
Y
V
CÁI
X
NGN

Cổ phần Tập đoàn Intimex.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Thành viên Công ty nắm giữ 51,477 % vốn điều lệ của tổ chức phát hành.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban) Do quy mô của Công ty nhỏ, hoạt động sản xuất kinh doanh đơn thuần chỉ sản xuất bê tông thương phẩm nên HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đã tổ chức 4 phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ. Nội dung của các cuộc họp: đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng và năm 2020, đề ra các chủ trương, giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm và chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định; Phê duyệt đơn giá tiền lương, quyết định đầu tư mua thêm các phương tiện thiết bị, xe máy...

Theo dõi, giám sát chặt chẽ đối với việc quản lý, điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, chỉ đạo và quyết định đầu tư kịp thời, hợp lý đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo tăng cường thu hồi công nợ, giảm nợ phải thu, hạn chế phát sinh công nợ mới. Tập trung các biện pháp xử lý các công nợ tồn đọng trước đây.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Hội đồng quản trị chỉ có một thành viên trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Ông Đỗ Hà Nam

Ông Ngô Xuân Nam

Ông Ngô Văn Long

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Bà Phan Hồng Huệ : Trưởng ban, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

- Ông Phạm Vũ Trường Giang : Thành viên, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

- Ông Lê Thái Nguyên : Thành viên, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Đã tổ chức 4 phiên họp Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát tham gia dự đầy đủ; Hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đã xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm 2020 và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban

kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 biểu quyết thống nhất thông qua:

Chủ tịch HĐQT	: 10.000.000 đồng/tháng
Thành viên HĐQT	: 6.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban kiểm soát	: 5.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	: 3.500.000 đồng/tháng

Tổng thù lao HĐQT năm 2020: 286.000.000 đồng; tổng thù lao BKS năm 2020: 156.000.000 đồng. (Bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết Nguyên đán 2021).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tốt

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: được gửi kèm theo Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Được gửi riêng cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và được công bố trên Websit của Công ty, hệ thống CIMS của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và hệ thống trang điện tử công bố thông tin của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước. *PL*

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở Giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu: HĐQT, VT Công ty.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Long